

Bản án số: 07/2024/HS-PT

Ngày: 18/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hòa.

Các Thẩm phán: ông Trương Anh Tuấn.

Bà Đỗ Thu Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Lê Đình Hải Nam - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** bà Thiều Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 10/2024/TLPT-HS ngày 15 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo Vừ A P, Sùng Thị S do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2023/HS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

1. Vừ A P, sinh năm: 1976 tại huyện T, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: thôn C, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hóa: không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vừ A C (đã chết) và bà Sùng Thị S, sinh năm 1967; bị cáo có vợ là Sùng Thị S, sinh năm 1977 và có 06 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: chưa bị xử phạt hành chính và chưa bị kết án; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/10/2023 đến nay, có mặt.

2. Sùng Thị S, sinh năm: 1977 tại huyện T, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: thôn C, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hóa: không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Sùng A P (đã chết) và bà Mùa Thị D, sinh năm 1936; bị cáo có chồng là Vừ A P, sinh năm 1976 và có 06 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: chưa bị xử phạt hành chính và chưa bị kết án; Bị cáo bị áp

dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/10/2023 đến nay, có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự*: Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: ông Thào A C - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Ly A D, sinh năm: 1986 - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên (theo Văn bản ủy quyền số 447/UBND, ngày 06/10/2023 của UBND xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên) có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Cộng đồng dân cư thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là thôn S).

Người đại diện theo pháp luật: ông Giàng A S, sinh năm 1979; chức vụ: Trưởng thôn; Nơi cư trú: thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên, **có mặt**.

+ Ông Thào A X, sinh năm: 1964; nơi cư trú: thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên, **vắng mặt không có lý do**.

- *Người phiên dịch*: ông Giàng A D, sinh năm 1985; Nơi cư trú: tổ dân phố Thành C, thị trấn Tủa C, huyện T, tỉnh Điện Biên, **có mặt**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12/2021, bị cáo Vừ A P và bị cáo Sùng Thị S lên nhà ông Thào A X, tại thôn S, xã T, huyện T đặt vấn đề mượn đất nương để sử dụng, được ông X đồng ý. Tháng 02/2022, bị cáo Vừ A P và bị cáo Sùng Thị S mang theo 03 con dao phát bằng kim loại (từ địa phương thường dùng là “dao quắm” dài khoảng hơn 30 cm, loại dao thường dùng để chặt cây) và 01 chiếc búa rừu bằng kim loại (người dân địa phương thường dùng để chặt cây, bở củi) cùng ông Thào A X đi từ nhà lên mảnh nương cũ của gia đình ông Thào A X đã bỏ hoang không làm từ năm 2015 tại khu vực M, thuộc địa phận thôn S 1 (nay là thôn S), xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Sau khi được ông Thào A X chỉ ranh giới đám nương cũ, các bị cáo Vừ A P, Sùng Thị S dùng búa và dao mang theo chặt, phát các loại cây gỗ, cây bụi trong thời gian 05 ngày thì được phát được diện tích khoảng hơn 4.000 m²; tháng 3/2022 các bị cáo đốt dọn các cây đã bị chặt hạ để gieo trồng lúa.

Ngày 27/4/2022, ông Giàng A L là Kiểm lâm viên đi tuần tra rừng định kỳ phát hiện sự việc các bị cáo phá rừng làm nương nên đã báo cáo Cơ quan Kiểm lâm huyện để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền về tin báo, tố giác tội phạm.

Tại biên bản kiểm tra hiện trường ngày 28/4/2022, do Hạt kiểm lâm huyện phối hợp với các cơ quan liên quan đã xác định được diện tích rừng bị chặt phá là 4.442 m², số cây bị hạ là 124 cây, khối lượng gỗ thiệt hại là 9,355 m (gồm các nhóm gỗ VI, VIII), củi tận thu là 6,219 ster; xem xét vị trí, sử dụng máy định GPS

xác định tọa độ và đôi chiếu bản đồ giao đất giao rừng, quyết định giao đất giao rừng, trích lục bản đồ địa chính xã T, xác định khu vực rừng do bị cáo Vừ A P và bị cáo Sùng Thị S chặt phá thuộc tiểu khu 542, khoảnh 6, lô 3 đã được quy hoạch rừng phòng hộ theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên, Quyết định số 2936/QĐ - UBND ngày 06/11/2015 của UBND huyện T về giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp cho cộng đồng thôn S 1 (nay là thôn S), xã T, huyện T quản lý, bảo vệ từ năm 2015 và hàng năm đều chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Tại bản Kết luận giám định số 23/KL- GD ngày 17/11/2022 của Giám định viên tư pháp thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên kết luận: diện tích bị chặt phá là 4.442 m², nằm trong tiểu khu 542, khoảnh 6, lô 3 là rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đá nghèo kiệt (ký hiệu TXDK), thuộc rừng phòng hộ được giao cho cộng đồng thôn S 1 (nay là thôn S), xã T quản lý, bảo vệ từ năm 2015.

Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày 11/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Giá thị trường tại thời điểm tháng 4/2022 của 4.442 m² rừng phòng hộ tại tiểu khu 542, khoảnh 6, lô 3 là: gỗ nhóm VI,VIII có giá trị $9,355 \text{ m}^3 \times 300.000 \text{ đồng/m}^3 = 2.806.500 \text{ đồng}$; củi tận thu là $6,219 \text{ ster} \times 100.000 \text{ đồng/ster} = 621.900 \text{ đồng}$. Tổng giá trị thiệt hại về gỗ và củi tận thu là 3.428.400 đồng; không xác định được giá trị thiệt hại về tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng và thiệt hại về tác động môi trường rừng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2023/HS-ST ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự:

1. Tuyên bố:

1.1. Bị cáo Vừ A P phạm tội “Huỷ hoại rừng”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 54 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Vừ A P 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

1.2. Bị cáo Sùng Thị S phạm tội “Huỷ hoại rừng”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 54 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Sùng Thị S 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 05/01/2024, bị cáo Vừ A P, bị cáo Sùng Thị S kháng cáo xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện cho Nguyên đơn dân sự UBND xã T ông Ly A D trình bày và đề nghị: các bị cáo đã bồi thường đầy đủ thiệt hại cho Nhà nước theo kết luận định giá tài sản là 3.428.400 đồng. Do đó, ông Ly A D không đề nghị gì thêm, các bị cáo phạm tội do thiếu hiểu biết, tin tưởng nguồn gốc đất nương là hợp pháp của ông Thào A X nên mới phá rừng để làm nương rẫy; các bị cáo đã thực sự biết lỗi đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện cộng đồng dân cư thôn S, xã T ông Giàng A S (trưởng thôn) trình bày: Diện tích rừng các bị cáo phá trái phép là rừng phòng hộ được UBND huyện T giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp theo Quyết định số 2936/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của UBND huyện T cho cộng đồng dân cư thôn S 1 (nay là thôn S) quản lý, bảo vệ rừng và hàng năm các hộ gia đình trong thôn đều được nhà nước chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Vừ A P, bị cáo Sùng Thị S làm trong hạn luật định, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự được coi là hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo đúng người, đúng tội và căn cứ điểm c khoản 1 Điều 243, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vừ A P 09 (chín) tháng tù, xử phạt bị cáo Sùng Thị S 09 (thám) tháng tù về tội Huy hoại rừng là thỏa đáng, không nặng; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo P không đưa ra được căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm có thể xem xét chấp nhận kháng cáo. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vừ A P giữ nguyên về hình phạt chính của Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2023/HS-ST ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên đối với bị cáo Vừ A P. Đối với bị cáo Sùng Thị S, tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tài liệu chứng cứ là lao động chính trong gia đình có 04 con chưa thành niên; bị cáo cam kết sẽ trồng lại rừng trong thời gian được hưởng án treo và có xác nhận của UBND xã S; vai trò của bị cáo trong vụ án là thứ yếu (vai trò giúp sức); bị cáo phạm tội một phần do hạn chế về nhận thức và do tập quán di canh di cư của người dân tộc Mông tại địa phương. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo S, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự sửa một phần bản án sơ thẩm; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo S 09 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Bị cáo P là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ cận nghèo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo P xin được miễn án phí hình sự phúc thẩm; do đó căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Vừ A P. Kháng cáo của bị cáo Sùng Thị S được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Trong phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên; trong lời nói sau cùng các bị cáo xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh: tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Với mục đích có đất để làm nương trồng lúa, tháng 02/2022, bị cáo Vừ A P và bị cáo Sùng Thị S dùng dao, búa phá 4.442 m² rừng phòng hộ, thuộc tiểu khu 542, khoảnh 6, lô 3 tại thôn S 1 (nay là thôn S), xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên; số cây bị hạ là 124 cây, khối lượng gỗ thiệt hại là 9,355 m (gồm các nhóm gỗ VI, VIII), củi tận thu là 6,219 ster.

Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo Vừ A P, Sùng Thị S về tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, hậu quả của hành vi gây thiệt hại rừng phòng hộ do Nhà nước quản lý. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản của Nhà nước, gây thiệt hại về tài sản của Nhà nước và ảnh hưởng tới môi trường sinh thái; hành vi của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã T nói riêng và huyện T nói chung. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Vừ A P 09 tháng tù và xử phạt bị cáo Sùng Thị S 09 tháng tù là thỏa đáng, không nặng. Bị cáo Vừ A P kháng cáo xin hưởng án treo, tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo P không cung cấp được các tài liệu để chứng minh cho việc xin hưởng án treo là có cơ sở. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị cáo P. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tại phiên tòa phúc thẩm, căn áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng Hình sự, giữ nguyên phần hình phạt chính của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Vừ A P.

Đối với bị cáo Sùng Thị S có vai trò giúp sức thứ yếu trong vụ án; bị cáo phạm tội do một phần thiếu thông tin chính xác về nguồn gốc đất nương, tin tưởng diện tích đất nương mà ông X cho mượn thuộc quyền sử dụng hợp pháp

của ông X; bị cáo và bị cáo P là vợ chồng trong cùng một vụ án, trong 6 người con thì có đến 04 người còn chưa thành niên, cần có người chăm sóc, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo Sùng Thị S cung cấp bản cam kết sẽ trông lại cây trên diện tích rừng đã phá với sự giám sát của Cộng đồng dân cư thôn S và UBND xã T; Nguyên đơn dân sự và Người đại diện Cộng đồng dân cư thôn S đều xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo; bị cáo phạm tội một phần do hạn chế về nhận thức và do tập quán di canh di cư của người dân tộc Mông tại địa phương; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Việc buộc bị cáo S phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam là không cần thiết, bị cáo có đủ điều kiện để áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt có điều kiện theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tại phiên tòa phúc thẩm, cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa một phần về hình phạt chính của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Sùng Thị S.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo Vừ A P không được chấp nhận, theo quy định của pháp luật bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Tuy nhiên, tài liệu trong hồ sơ cho thấy gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có đơn xin được miễn án phí hình sự phúc thẩm, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo. Yêu cầu kháng cáo của bị cáo Sùng Thị S được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Hạt kiểm lâm huyện T, cán bộ; Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên; Tòa án nhân dân huyện T, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm các bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vừ A P, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 18/2023/HS-ST ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Sùng Thị S, sửa một phần quyết định về phần hình phạt chính của bản án hình sự sơ thẩm số 18/2023/HS-ST ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên đối với bị cáo Sùng Thị S.

2. Tuyên bố:

2.1. Bị cáo Vừ A P phạm tội Huỷ hoại rừng.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Vừ A P 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.2. Bị cáo Sùng Thị S phạm tội Huỷ hoại rừng.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Sùng Thị S 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 18/3/2024).

Giao bị cáo Sùng Thị S cho UBND xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên để giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo Sùng Thị S thay đổi nơi cư trú thì UBND xã S có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện T, tỉnh Điện Biên để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho UBND cấp xã, phường, thị trấn nơi bị cáo Sùng Thị S đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Gia đình của bị cáo Sùng Thị S có trách nhiệm phối hợp với UBND xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí phúc thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Vừ A P. Bị cáo Sùng Thị S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2023/HS-ST ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc I TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Các Bị cáo; Người TGTT;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu: hồ sơ vụ án, HCTP.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hòa

